

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo:	Tài chính - Ngân hàng
Trình độ đào tạo:	Đại học
Loại hình đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4 năm
Văn bằng:	Cử nhân
Khóa đào tạo:	Khóa 22 (2026 - 2030)
Tổng số tín chỉ tích lũy toàn khoá:	146
<i>Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.</i>	

HỌC KỲ 1: 19 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 16, tự chọn: 03)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		16			
TA70313	Tiếng Anh 1	3	45	45	0
CB70411	Bơi lội (*)	1	30	0	30
TC70101	Tiền tệ và Thị trường tài chính	3	45	45	0
TC70211	Toán tài chính	3	45	45	0
KT70101	Nguyên lý kế toán	3	45	45	0
QT70049	Kinh tế lượng	3	45	45	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		3			
TC71210	Thị trường chứng khoán	3	45	45	0
TC71211	Tài chính công	3	45	45	0
HỌC KỲ 2: 25 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 24, tự chọn: 01)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		24			
TH70001	Tin học 1*	2	60	0	60
CB70306	Kỹ năng đàm phán, thương lượng	2	30	30	0
TA70314	Tiếng Anh 2	3	45	45	0
CB70201	Toán kinh tế	3	45	45	0
CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0
QT70002	Kinh tế học	3	45	45	0
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1*	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2*	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3*	1	30	0	30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4*	2	60	0	60
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		1			
CB71412	Bóng đá*	1	30	0	30

CB71403	Bóng chuyền*	1	30	0	30
CB71404	Cầu lông*	1	30	0	30
CB71410	Pickleball*	1	30	0	30
HỌC KỲ 3: 24 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 21, tự chọn: 03)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		21			
TH70002	Tin học 2*	2	60	0	60
TA70315	Tiếng Anh 3	3	45	45	0
CB70205	Thống kê ứng dụng	3	45	45	0
CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0
CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	0
TC70212	Thanh toán quốc tế	3	45	45	0
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
TC70214	Tài chính doanh nghiệp	4	60	60	0
Học phần tự chọn		3			
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		1			
CB71413	Fitness*	1	30	0	30
CB71407	Bóng rổ*	1	30	0	30
CB71414	Võ thuật*	1	30	0	30
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		2			
CB71104	Kinh tế xanh và phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71101	Môi trường và phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71102	Tâm lý học hành vi	2	30	30	0
HỌC KỲ 4: 24 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 22, tự chọn: 02)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		22			
TA71316	Tiếng Anh định hướng chứng chỉ quốc tế*	9	135	135	0
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
KT70103	Luật Kinh tế	2	30	30	0
TC71108	Tài chính quốc tế	2	30	30	0
KT70111	Kế toán tài chính 1	4	60	60	0
KT70102	Thuế ứng dụng	3	45	45	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		2			
QT71017	Hành vi tổ chức	2	30	30	0
QT71018	Nguyên lý quản trị	2	30	30	0

HỌC KỲ 5: 24 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 14, tự chọn: 10)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		14			
CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
TC70216	Tài chính cá nhân	3	45	45	0
TC70215	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	4	60	60	0
TC70217	Phân tích đầu tư chứng khoán	3	45	45	0
TC70104	Phương pháp định lượng ứng dụng trong tài chính	2	30	30	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 chuyên ngành)		10			
Học phần tự chọn: Chuyên ngành Tài chính - ngân		10			
TC71204	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	45	45	0
TC71202	Nghiệp vụ ngân hàng trung ương	2	30	30	0
TC71209	Marketing ngân hàng	2	30	30	0
KT71101	Kế toán ngân hàng	3	45	45	0
Học phần tự chọn: Chuyên ngành Tài chính số		10			
TC71103	Công cụ phái sinh	3	45	45	0
TC70203	Nguyên lý bảo hiểm	2	30	30	0
TC71207	Tài chính xanh và công nghệ số	3	45	45	0
TC71208	Trí tuệ nhân tạo trong tài chính	2	30	30	0
HỌC KỲ 6: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 10, tự chọn: 10)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		10			
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0
TC70107	Công nghệ tài chính	2	45	15	30
TC70213	Thẩm định dự án đầu tư	3	45	45	0
TC70110	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	60	30	30
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 chuyên ngành)		10			
Học phần tự chọn: Chuyên ngành Tài chính - ngân		10			
TC70108	Quản trị rủi ro Tài chính - Ngân hàng	3	60	30	30
TC70202	Mô phỏng Nghiệp Vụ Tài chính -	3	90	0	90
TC71205	Thẩm định tín dụng	2	30	30	0
TC71201	Quản trị ngân hàng	2	30	30	0
Học phần tự chọn: Chuyên ngành Tài chính số		10			
TC71112	Định giá	2	30	30	0
TC71209	Mô hình tài chính	3	45	45	0
TC71104	Đầu tư tài chính	3	45	45	0
TC71206	Tài chính hành vi	2	30	30	0

HỌC KỲ 7: 04 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 04, tự chọn: 00)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp		4			
TC70206	Thực tập tốt nghiệp	4	120	0	120
HỌC KỲ 8: 06 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 00, tự chọn: 06)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Khóa luận tốt nghiệp		6			
TC70207	Khóa luận tốt nghiệp	6	180	0	180
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		6			
TC70111	Chuyên đề tốt nghiệp	3	90	0	90
TC70210	Các vấn đề hiện đại trong ngành tài chính ngân hàng	3	90	0	90